

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HC-ST

Ngày: 13/05/2024

V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong quản lý Nhà
nước về lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Long

Bà Phùng Thị Hoài Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Văn Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024,
về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất
đai”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HC ngày 29-4-
2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Vũ Thị X, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981

Địa chỉ: A thôn K' L, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B

Địa chỉ: B Hồ N, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phùng Ngọc H, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Vũ Quốc T1, sinh năm 1999

Địa chỉ: I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Trần Vũ Việt T2, sinh năm 1987

Địa chỉ: I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Trần Vũ Đan T3, sinh năm 1995

Địa chỉ: I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Trần Vũ Diệp T4, sinh năm 1988

Địa chỉ: I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Trần Vũ Giang T5, sinh năm 1984

Địa chỉ: I N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn K, Xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: 8 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Văn O, sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ A, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của người khởi kiện bà Vũ Thị X trình bày:*

Bà X hiện đang sử dụng thửa đất số 496, tờ bản đồ D.89. III phường L, thành phố B. Nguồn gốc thửa đất do UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 cho ông bà Trần Văn M, bà Vũ Thị X ngày 11-9-2001 đối với thửa 110a, tờ bản đồ D.89.III. Năm 2007, vợ chồng bà X ông M tách thửa 110a thành thửa 495, thửa 496. Thửa 496 bà X chuyển nhượng cho ông Lê Hồng T6 theo hợp đồng số 442 quyền số 01/Tp/CC- SCT/HĐGD do UBND phường L chứng nhận ngày 25/5/2007. Vợ chồng bà X ông M còn lại thửa 495, diện tích 150,6m². Đến năm 2012, ông M chết, bà X khai nhận thửa kế và được toàn quyền sử dụng thửa đất 495 theo xác thực tại trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/2012.

Quá trình sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng, không có xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề.

Tháng 9/2023, bà X đi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết phần đuôi đất bà X đang sử dụng thì UBND thành phố B đã cấp vào thửa 691, tờ bản đồ 13 phường L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19-9-2001 cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Trần Văn O. Mặt khác, diện tích đất thực tế bà X đang sử dụng không đúng với diện tích thửa đất 495 được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 do UBND thị xã B cấp cho ông bà Trần Văn M, bà Vũ Thị X ngày 11-9-2001 đối với thửa 110a, tờ bản đồ D.89.III, đã đăng ký biến động tại trang tư cho bà Vũ Thị X.

Do vậy, bà X đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19-9-2001 do UBND thành phố B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ 13 phường L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 do UBND thị xã B cấp cho ông bà Trần Văn M, bà Vũ Thị X ngày 11-9-2001 đối với thửa 110a, tờ bản đồ D.89.III, đã đăng ký biến động tại trang tư cho bà Vũ Thị X.

Ngày 25-4-2024, bà X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19-9-2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ 13 phường L, thành phố B.

Bà X chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11-9-2001 do UBND thị xã B cấp cho ông bà Trần Văn M, bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên cho bà Vũ Thị X đối với thửa 110a, tờ bản đồ D.89.III, phường L, thành phố B.

** Người đại diện uỷ quyền của người bị kiện UBND thành phố B trình bày:*

1. Quá trình ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 cấp ngày 19/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ 13, phường L.

Ngày 19/9/2001, UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 cho hộ ông Trần Văn Đ1 theo Quyết định số 1887/QĐ-UB cho thửa đất số 108, tờ bản đồ số 13, phường L diện tích 2.272m² đất trồng cây lâu năm. Việc UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận là phù hợp với quy định của Luật Đất đai 1993 và các Văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Ngày 20/7/2010, bà Lê Thị L nhận thừa kế toàn bộ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 13, phường L, diện tích 2.272m² đất trồng cây lâu năm theo văn bản thừa kế số 8355 quyền số 9 TP/CC-SCT/HĐGD do Phòng C Lâm Đồng chứng nhận ngày 9/7/2010.

Ngày 02/8/2010, bà Lê Thị L tách thửa đất số 108 thành thửa đất số 691, diện tích 1.832m² đất nông nghiệp và thửa đất số 692, diện tích 440m² đất nông nghiệp.

Ngày 08/7/2019, ông Trần Văn O nhận thừa kế thửa đất 691 diện tích 1.832m² đất nông nghiệp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 theo hồ sơ đăng ký biến động số 70956.

2. Quá trình ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L.

Ngày 11/9/2001, ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X được UBND tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060333 đối với thửa đất số 110a, tờ bản đồ D.89.III, diện tích 250m² đất ở.

Ngày 13/6/2007, ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X tách thửa đất số 110a, tờ bản đồ D.89.III thành thửa đất số 495 và 496; thửa đất số 496 diện tích 99,4m² đất ở và chuyển nhượng cho ông Lê Hồng T6 theo hợp đồng số 442 quyền số 1 TP/CC-

SCT/HĐGD cho UBND phường L chứng nhận ngày 25/5/2007. Diện tích đất còn lại của ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X là thửa đất số 495 diện tích 150,6m² đất ở.

Ngày 18/9/2012, bà Vũ Thị X được toàn quyền sử dụng thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, diện tích 150,6m² đất ở theo Văn bản thừa kế số 4768 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 04/9/2012.

Ý kiến của UBND thành phố B đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ 13, phường L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L (gốc là thửa 110a)

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, 2003 và các Văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo quy định và thẩm quyền. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân, UBND thành phố sẽ hướng dẫn hộ gia đình thực hiện theo quy định.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn O trình bày:*

Trên thực tế đất bà X đang sử dụng nhưng thuộc một phần thửa 691, tờ bản đồ 13, phường L, thành phố B đang đứng tên Trần Văn O (GCNQSD đất số T 131752). Sổ gốc ông O đang quản lý và không cầm cố thế chấp tại tổ chức tín dụng, ngân hàng nào, cũng không tranh chấp đất với ai. Do bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn nên ông O đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, ông cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Trần Vũ Quốc T1, Trần Vũ Việt T7, Trần Vũ Đan T3, Trần Vũ Diệp T4, Trần Vũ Giang T5, Lê Văn H1, Nguyễn Xuân Đ không trình bày ý kiến gì nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các ông bà và cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì.*

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tiến hành đối thoại được.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung trình bày, yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đã viện dẫn, phân tích các cơ sở pháp lý cho rằng yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đối với đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19-9-2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ 13 phường L, thành phố B, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 Luật tố tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Tháng 9/2023, bà X đi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết phần đuôi đất mà bà đang quản lý sử dụng đã được cấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O. Mặt khác, diện tích đất thực tế bà đang sử dụng không đúng với diện tích bà được cấp sổ.

Do vậy, ngày 26-12-2023, bà Vũ Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ số 13 phường L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L (gốc là thửa 110a).

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính, xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và còn trong thời hiệu khởi kiện.

Ngày 25-4-2024, bà X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19-9-2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ 13 phường L, thành phố B.

Căn cứ Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút này.

[3] Xét tính hợp pháp có căn cứ của quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện:

[3.1] Theo hồ sơ địa chính thể hiện đối với GCNQSDĐ số T131752 do UBND thành phố B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa 691, tờ bản đồ số 13, phường L (BL 20-39):

Ngày 19/9/2001, UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 cho hộ ông Trần Văn Đ1 theo Quyết định số 1887/QĐ-UB cho thửa đất số 108, tờ bản đồ số 13, phường L diện tích 2.272m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 20/7/2010, bà Lê Thị L (vợ ông Đ1) nhận thừa kế toàn bộ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 13, phường L, diện tích 2.272m² đất trồng cây lâu năm theo văn bản thừa kế số 8355 quyền số 9 TP/CC-SCT/HĐGD do Phòng C Lâm Đồng chứng nhận ngày 09/7/2010.

Ngày 02/8/2010, bà Lê Thị L tách thửa đất số 108 thành thửa đất số 691, diện tích 1.832m² đất nông nghiệp và thửa đất số 692, diện tích 440m² đất nông nghiệp.

Ngày 09-12-2013, bà L chết. Tại văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 14-6-2019 thống nhất để lại thửa đất 691, diện tích 1.832m² cho ông Trần Văn O.

Ngày 08/7/2019, ông Trần Văn O nhận thừa kế thửa đất 691 diện tích 1.832m² đất nông nghiệp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 theo hồ sơ đăng ký biến động số 70956.

Về trình tự, thủ tục cấp, thừa kế quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy

định của Luật Đất đai 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Luật đất đai 2013.

[3.2] Theo hồ sơ địa chính thể hiện đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L (BL 37-54):

Ngày 11/9/2001, ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X được UBND tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205060333 đối với thửa đất số 110a, tờ bản đồ D.89.III, diện tích 250m² đất ở.

Ngày 13/6/2007, ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X tách thửa đất số 110a, tờ bản đồ D.89.III thành thửa đất số 495 và 496; thửa đất số 496 diện tích 99,4m² đất ở và chuyển nhượng cho ông Lê Hồng T6 theo hợp đồng số 442 quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD cho UBND phường L chứng nhận ngày 25/5/2007. Diện tích đất còn lại của ông Trần Văn M và bà Vũ Thị X là thửa đất số 495 diện tích 150,6m² đất ở.

Ngày 18/9/2012, bà Vũ Thị X được toàn quyền sử dụng thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, diện tích 150,6m² đất ở theo Văn bản thừa kế số 4768 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 04/9/2012 và đã đăng ký biến động tại trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về trình tự, thủ tục cấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3.3] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29-01-2024 (BL 96-98) thể hiện:

Phần diện tích đất bà Vũ Thị X đang sử dụng có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp nhà ông Phạm Văn T8, phía Tây giáp đường đất, phía Bắc giáp nhà bà Vũ Thị Bích P1.

Về hiện trạng: Trên đất có nhà và phía sau là đất trống, ranh ổn định giới rõ ràng, không tranh chấp với ai.

[3.4] Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (BL 116) thể hiện:

Tổng diện tích bà Vũ Thị X đang quản lý sử dụng là 739m² thuộc một phần thửa 495, một phần thửa 110a, một phần thửa 691, tờ bản đồ 37 (tờ bản đồ 13 cũ).

Trong đó thửa 495 diện tích 140m² đất ở, nhà ở xây dựng diện tích 125,2m², diện tích đất ở giảm 10,6m² do đo đạc tính lại diện tích theo hiện trạng sử dụng; một phần thửa 110a diện tích 240m², nhà ở diện tích 164,9m²; một phần thửa 691 diện tích 359m², nhà ở diện tích 60m².

Thửa 691 đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 cho ông Trần Văn Đ1, đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Trần Văn O.

Như vậy, lời trình bày của người khởi kiện; người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất, phù hợp với kết quả đo vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký thành phố B thể hiện bà Vũ Thị X đang sử dụng diện tích đất thực tế thuộc một phần thửa 495, một phần thửa 110a, một phần thửa 691, tờ bản đồ 37 (tờ bản đồ 13 cũ). Trong khi đó, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X chỉ có thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L (thửa gốc 110a).

[4] Từ những cơ sở viện dẫn, phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 ngày 19/9/2001 cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ 13, phường L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L (thửa gốc 110a) là không đúng hiện trạng, đối tượng sử dụng đất.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng, đối tượng sử dụng và pháp luật về đất đai.

Đối với các giao dịch dân sự về quyền sử dụng đất nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[5] Lập luận và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 2.815.000 đồng. (hai triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Bà Vũ Thị X đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên phần quyết định của bản án không cần đề cập đến.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X được chấp nhận nên UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Vũ Thị X được miễn nộp tạm ứng án phí nên phần quyết định của bản án không đề cập đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai 1993; sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; Luật đất đai 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Luật đất đai 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X về việc yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 131752 cấp ngày 19/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn Đ1, đã biến động sang tên cho ông Trần Văn O đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ 13, phường L, thành phố B.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai*”.

Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4205060333 ngày 11/9/2001 do UBND thị xã B cấp cho ông Trần Văn M bà Vũ Thị X, đã đăng ký biến động sang tên

bà Vũ Thị X đối với thửa đất số 495, tờ bản đồ D.89.III, phường L, thành phố B (thửa gốc 110a).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự trong vụ án liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

Đối với các giao dịch dân sự về quyền sử dụng đất nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Buộc UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LD
- Người khởi kiện (để
- Người bị kiện thi
- Người liên quan hành)
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Dư Thành Trung

